

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/9/2020  
“*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con  
và chia tài sản chung, nợ chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lư Quốc Thịnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông **Lâm Tấn Đạt**

2- Bà **Phạm Thị Lan**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:**  
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 123/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung, nợ chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị L**, sinh năm 1975. (*Có mặt*)

2. Bị đơn: Anh **Hồ Hoàng K**, sinh năm 1974. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp M A, xã M, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

3. Tổ chức có quyền lợi liên quan: **Ngân hàng C**.

Địa chỉ: Số 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T**. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Triều Q**. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

Theo Quyết định Ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C

*(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/6/2020 nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày và yêu cầu như sau:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Hồ Hoàng K chung sống với nhau từ năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống được 23 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Anh K thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu về đến nhà anh K có hành vi bạo lực đối với chị và chửi mắng chị thậm tệ và còn có hành vi bạo lực đối với cha, mẹ chị. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh K và yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp giải quyết nhưng anh K không sửa đổi để chăm lo cho cuộc sống gia đình, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ đó chị và anh K sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2018 đến nay.

- Về con chung: Chị và anh K có 02 người con chung tên Hồ Thị T T, sinh ngày 18/8/1998 và Hồ M S, sinh ngày 26/12/2002. Cháu S đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L và anh K không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hồ Hoàng K trình bày ý kiến như sau:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian vợ chồng chung sống nhau và cho đến nay thì cũng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh và chị L chung sống không hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị L có 02 người con chung tên Hồ Thị T T, sinh ngày 18/8/1998 và Hồ M S, sinh ngày 26/12/2002. Cháu Hồ M S đang sống với chị L, anh thống nhất với ý kiến của chị L là giao cháu S cho chị L nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Hồ Thị T T đã trưởng thành nên anh không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh xác định là vợ chồng có mua của ông Nguyễn Văn Xiêm 01 nền nhà cặp mé sông chiều ngang 4,5m, dài 12m tọa lạc ấp M A, xã M, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, giá 12.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy tay. Vợ chồng anh có cất 01 căn nhà tiền chế lợp tole chiều ngang 4,5m, chiều dài 09m, trị giá 18.500.000 đồng. Căn nhà hiện nay chị L đang ở. Anh yêu cầu chia làm 03 phần, anh nhận 01 phần, chị L nhận 01 phần và M S nhận 01 phần. Anh yêu cầu được nhận giá trị căn nhà.

Ngoài ra vào năm 2012 vợ chồng anh có nhận chuyển nhượng của cha vợ anh là ông Đỗ Hoàng Phương 03 công đất rẫy tại ấp M A, xã M, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, giá 15 chỉ vàng 24k. Số vàng nhận chuyển nhượng đất là do anh chuyển nhượng phần đất của cha, mẹ anh cho riêng anh khi anh chưa cưới vợ. Hai bên có làm giấy tay nhưng chưa làm thủ tục S tên. Anh yêu cầu chia làm 03 phần, anh nhận 01 công, chị L nhận 01 công và M S nhận 01 công. Phần đất này hiện nay chị L đang canh tác.

- Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ Ngân hàng C Phòng giao dịch huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang số tiền vay hộ nghèo, số nợ gốc là 8.000.000 đồng. Anh yêu cầu chia đôi số nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Hoàng K rút lại yêu cầu phân chia tài sản là phần đất chuyển nhượng của ông Xiêm, căn nhà cất trên đất và phần đất chuyển nhượng ông Đỗ Hoàng Phương để tự thỏa thuận giải quyết.

Đối với số tiền nợ của Ngân hàng C Phòng giao dịch huyện Gò Quao, anh K đồng ý tự mình có trách nhiệm trả khoản nợ này, không yêu cầu chị L cùng có trách nhiệm trả nợ.

*Đại diện Ngân hàng C trình bày:* Vợ chồng anh Hồ Hoàng K và chị Đỗ Thị L có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Gò Quao, chương trình Hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg, khế ước vay vốn 60000058300089597, số tiền vay 8.000.000đ (Tám triệu đồng), ngày vay 25/01/2011, thời hạn 10 năm, hạn trả nợ ngày 09/01/2021. Dư nợ đến ngày 31/7/2020 là 10.283.371đ (trong đó nợ gốc 8.000.000đ, nợ lãi 2.283.371đ), từ ngày vay đến nay chưa phát sinh việc trả nợ, trả lãi.

Nhằm đảm bảo nguồn vốn của Nhà nước, Ngân hàng C đề nghị Tòa án buộc anh Hồ Hoàng K và chị Đỗ Thị L trả dứt điểm số nợ gốc và lãi, do anh K và chị L đã vi phạm hợp đồng vay vốn từ khi vay vốn đến nay chưa phát sinh việc trả vốn và lãi cho Ngân hàng C. Ngân hàng C đồng ý để cho anh K tự chịu trách nhiệm trả số nợ trên. Số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 10.324.139đ (Mười triệu ba

trăm hai mươi bốn ngàn một trăm ba mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc 8.000.000đ, nợ lãi 2.324.139đ.

Tại phiên tòa xét xử, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh K.

Anh K và đại diện Ngân hàng C vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hồ Hoàng K và đại diện Ngân hàng C vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu được vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án, xét thấy việc anh K và đại diện Ngân hàng C xin được vắng mặt trong phiên xét xử là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và cũng đã trình bày ý kiến của mình về nội dung giải quyết vụ việc nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K và đại diện Ngân hàng C.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Hồ Hoàng K thống nhất xác nhận vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy quan hệ vợ chồng của chị L và anh K không được pháp luật công nhận.

Tại phiên hòa giải, mặc dù chị L và anh K thống nhất thỏa thuận ly hôn với nhau nhưng HĐXX thấy rằng quan hệ hôn nhân của chị L và anh K không hợp pháp do không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của chị L và anh K được mà căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị L và anh Hồ Hoàng K.

Về con chung: Chị L và anh K có 02 người con chung tên Hồ Thị T T, sinh ngày 18/8/1998 và Hồ M S, sinh ngày 26/12/2002. Đối với Hồ Thị T T, sinh ngày 18/8/1998, hiện đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên HĐXX không đề cập xem xét. Riêng đối với Hồ M S thì chị L và anh K thống nhất giao con chung tên Hồ M S cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, còn em Hồ M S có nguyện vọng được sống cùng với

mẹ khi cha mẹ không còn chung sống với nhau. Vì vậy, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh K là giao em Hồ M S cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị L không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Ghi nhận ý kiến của anh Hồ Hoàng K về việc rút lại yêu cầu phân chia tài sản chung để đình chỉ giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của đại diện Ngân hàng C với chị L và K là anh K có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng C tính ngày 30/9/2020 là 10.324.139đ (Mười triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn một trăm ba mươi chín đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 8.000.000đ, nợ lãi là 2.324.139đ.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ thị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0004112 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Anh K phải chịu án phí đối với số tiền có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C là  $10.324.139đ \times 5\% = 516.206đ$ , làm tròn là 516.000đ (Năm trăm mười sáu ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp là 875.000đ theo lai thu số 0004142 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Anh K được nhận số tiền tạm ứng án phí là 359.000đ (Ba trăm năm mươi chín ngàn đồng)

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 217 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 14, Điều 37, khoản 2 Điều 53, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị L và anh Hồ Hoàng K.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh K, giao con chung tên Hồ M S, sinh ngày 26/12/2002 cho chị Đỗ Thị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị L không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết việc phân chia tài sản chung của anh Hồ Hoàng K.

- Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của đại diện Ngân hàng C với chị L và K là anh K có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng C tính ngày 30/9/2020 là 10.324.139đ (Mười triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn một trăm ba mươi chín đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 8.000.000đ, nợ lãi là 2.324.139đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn đã ghi trong hợp đồng.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0004112 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Anh K phải chịu án phí đối với số tiền có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C là  $10.324.139đ \times 5\% = 516.206đ$ , làm tròn là 516.000đ (Năm trăm mười sáu ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp là 875.000đ theo lai thu số 0004142 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Anh K được nhận số tiền tạm ứng án phí là 359.000đ (Ba trăm năm mươi chín ngàn đồng)

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị L biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/9/2020), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã M.
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lư Quốc Thịnh**